

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS-ST  
Ngày: 29 - 02 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hồi

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Lâm Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 21/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Dân, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trình Thị Thanh T, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số công chứng 5367, quyền số 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/6/2022 của Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Vân Chi, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

Địa chỉ: xã A, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo các Đơn khởi kiện ngày 26/4/2022, các Bản tự khai và Biên bản không tiến hành hoà giải được, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày:*

Ngày 12/6/2019, ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị P có ký hợp đồng vay số tiền 2.500.000.000đồng, thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 12/6 đến 12/8/2019, lãi suất trong hạn không có, lãi chậm trả theo mức lãi suất của ngân hàng cho những ngày chậm trả. Ngày 13/6/2019, ông Nguyễn Ngọc D đã chuyển khoản số tiền 500.000.000đồng vào tài khoản của bà Lê Thị P tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để bảo đảm việc vay tiền, bà Lê Thị P có giao cho ông Nguyễn Ngọc D bản chính Hợp đồng mua bán tài sản trên đất số 34/HĐKT ngày 03/5/2017 giữa Công ty cao su Daknoruco với Công ty TNHH Huỳnh Phương Anh Đắk Nông, Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án vườn cây cao su ký ngày 18/4/2017 giữa Công ty cao su Daknoruco với Công ty TNHH Huỳnh Phương Anh Đắk Nông; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0274 và 0275 ngày 25/5/2017.

Ngày 12/7/2019, ông Nguyễn Ngọc D và bà Lê Thị P có ký thêm hợp đồng vay số tiền 100.000.000đồng, thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 12/7/2019 đến ngày 12/9/2019, lãi suất trong hạn không có, lãi chậm trả theo mức lãi suất của ngân hàng cho những ngày chậm trả. Ông Nguyễn Ngọc D đã chuyển khoản số tiền 100.000.000đồng vào tài khoản của bà P tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cả hai lần vay tiền ngày 12/6/2019 và 12/7/2019 bà Lê Thị P đều có ký giấy xác nhận vay tiền, tổng cộng là 600.000.000đồng. Đến nay, bà Lê Thị P chưa thanh toán khoản tiền nào cho ông Nguyễn Ngọc D. Do đó, ông Nguyễn Ngọc D giữ nguyên khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị P trả số tiền vay và lãi chậm trả của Hợp đồng vay tiền các ngày 12/6/2019, 12/7/2019 và Giấy xác nhận các ngày 13/6/2019, 12/7/2019 là 1.037.650.000đồng, gồm:

- Nợ gốc là 500.000.000đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày 14/8/2023 (48 tháng 02 ngày tương đương 1.442 ngày) theo mức lãi suất 1,5%/tháng là 366.000.000đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 12/6/2019.

- Nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/9/2019 đến ngày 14/8/2023 (47 tháng 02 ngày tương đương 1.412 ngày) theo mức lãi suất 1,5%/tháng là 71.650.000đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 12/7/2019.

Đối với các bản chính Hợp đồng mua bán tài sản trên đất số 34/HĐKT ngày 03/5/2017, Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án vườn cây cao su ngày 18/4/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0274 và 0275 ngày 25/5/2017, ông Nguyễn Ngọc D đồng ý trả lại cho bà Lê Thị P.

*Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải không thành và mở phiên tòa xét xử.*

*Tại phiên tòa: Các đương sự không thỏa thuận, hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.*

*- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D do bà Trình Thị Thanh T đại diện theo ủy quyền có mặt và trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc D giữ nguyên khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị P trả số tiền vay và lãi do chậm trả của Hợp đồng vay tiền các ngày 12/6/2019, 12/7/2019 và Giấy xác nhận các ngày 13/6/2019, 12/7/2019 là 1.096.750.000đồng gồm 600.000.000đồng gốc và 496.750.000tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1,5%/tháng (gồm 415.250.000đồng của số tiền 500.000.000đồng từ ngày 13/8/2019 đến ngày 29/02/2024 và 81.500.000đồng từ ngày 13/9/2019 đến ngày 29/02/2024).

*- Bị đơn bà Lê Thị P vắng mặt;*

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 12/6/2019, 12/7/2019 ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc D và Lê Thị P; Giấy xác nhận đã chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thị P ngày 13/6/2023, 12/7/2023 của bà Lê Thị Phụng; giấy nộp tiền ngày 13/6/2023, 12/7/2023; Lời khai của người đại diện phía nguyên; có cơ sở xác định bà P có vay của ông D hai lần vào ngày 12/6/2019 và 12/7/2019, bà Lê Thị P đều có ký giấy xác nhận vay tiền, tổng cộng là 600.000.000đồng. Bị đơn bà Lê Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Như vậy bà P đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với số nợ trên. Nhận thấy, từ khi nhận được tiền vay đến nay bà P chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông D là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy việc ông D yêu cầu bà P thanh toán khoản nợ gốc: 600.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về khoản lãi chậm trả: Tại các Hợp đồng ngày 12/6/2019; 12/7/2019 ghi “lãi chậm trả theo mức lãi suất của ngân hàng TMCP cho những ngày chậm trả” thỏa thuận lãi này không xác định rõ lãi suất. Do vậy đối với yêu cầu tính lãi chậm trả sẽ áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lê Thị P thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ trên. Nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả các bản chính Hợp đồng mua bán tài sản trên đất số 34/HĐKT ngày 03/5/2017, Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án vườn cây cao su ngày 18/4/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0274 và 0275 ngày 25/5/2017 cho bà Lê Thị P. Án phí dân sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Theo Đơn khởi kiện ngày 26/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D khởi kiện bị đơn bà Lê Thị P, sinh năm 1971, cư trú tại địa chỉ xã A, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu hoàn trả số tiền vay và lãi do chậm trả của Hợp đồng vay tiền các ngày 12/6/2019, 12/7/2019 và Giấy xác nhận các ngày 13/6/2019, 12/7/2019.

[1.2] Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn bà Lê Thị P phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc và tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện hoàn trả số tiền vay 600.000.000đồng gồm 100.000.000đồng theo Giấy xác nhận ngày 12/7/2019 và 500.000.000đồng theo Giấy xác nhận ngày 13/6/2019:

[3.1] Theo trình bày của nguyên đơn, ngày 12/6/2019, ông Nguyễn Ngọc D, ông và bà Lê Thị P ký kết hợp đồng vay số tiền 2.500.000.000đồng, thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 12/6/2019 đến ngày 12/8/2019. Cùng ngày ông Nguyễn Ngọc D đã chuyển khoản số tiền 500.000.000đồng vào tài khoản số 4472407 bà Lê Thị P tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền ngày 13/6/2019 của Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hóc Môn. Tại Giấy xác nhận về việc đã chuyển tiền vào tài khoản Lê Thị P ngày 13/6/2019, bà Lê Thị P xác nhận “... *đã nhận đủ số tiền 500.000.000đồng do ông Nguyễn Ngọc D chuyển...*”;

[3.2] Theo Hợp đồng vay ngày 12/7/2019, ông Nguyễn Ngọc D, ông và bà Lê Thị P ký kết hợp đồng vay số tiền 100.000.000đồng, thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 12/7/2019 đến ngày 12/9/2019. Cùng ngày ông Nguyễn Ngọc D đã chuyển khoản số tiền 100.000.000đồng vào tài khoản số 4472407 bà Lê Thị P tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền ngày 12/7/2019 của Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hóc Môn. Tại Giấy xác nhận về việc đã chuyển tiền vào tài khoản Lê Thị P, bà Lê Thị P xác nhận “ ... *đã nhận đủ số tiền 100.000.000đồng do ông Nguyễn Ngọc D chuyển...*”;

[3.3] Từ những phân tích trên và sự thừa nhận của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Lê Thị P vay ông Nguyễn Ngọc D số tiền 600.000.000đồng gồm 100.000.000đồng theo Giấy xác nhận ngày 12/7/2019 và 500.000.000đồng theo Giấy xác nhận các ngày 13/6/2019.

[3.4] Tại Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[3.5] Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “ *1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

[3.5] Xét đến tại thời điểm khởi kiện, là đã quá thời hạn thanh toán nợ gốc nhưng bà Lê Thị P vẫn chưa hoàn trả số tiền này là vi phạm nghĩa vụ trả tiền và bà Lê Thị P phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, nên yêu cầu bà Lê Thị P thanh toán số tiền 600.000.000đồng gồm 100.000.000đồng theo Giấy xác nhận ngày 12/7/2019 và 500.000.000đồng theo Giấy xác nhận các ngày 13/6/2019 của ông Nguyễn Ngọc Dân là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tiền lãi:

[4.1] Theo Đơn khởi kiện ngày 26/4/2022, ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu tiền lãi nợ quá hạn với lãi suất nợ quá hạn là 1,5%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc D thay đổi và xác định yêu cầu tiền lãi do chậm trả đối với các khoản vay theo Giấy xác nhận các ngày 13/6/2019, 12/7/2019 theo mức lãi suất 1,5%/tháng cho thời gian chậm trả. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa không làm thay đổi bản chất vụ án và không vượt quá khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra ông Nguyễn Ngọc D không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét yêu cầu tiền lãi đối với số tiền chậm trả:

[4.2] Theo các Hợp đồng vay tiền ngày 12/7/2019; 12/6/2019 và thừa nhận của nguyên đơn, các Hợp đồng vay tiền ngày 12/7/2019; 12/6/2019 thỏa thuận không có lãi trong hạn và tiền lãi do chậm trả theo mức lãi suất của ngân hàng thương mại cho những ngày chậm trả.

[4.3] Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*

[4.4] Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”;*

[4.5] Xét Hợp đồng có thỏa thuận lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, tuy nhiên lãi suất xác định không rõ ràng nên Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất 10%/năm cho số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể:

- Đối với nợ gốc là 500.000.000đồng, số tiền lãi tính từ ngày 12/8/2019 đến ngày 29/02/2024 (1.662 ngày) là 227.671.233 đồng (=500.000.000đồng x 1662 ngày x 10%/365 ngày)

- Đối với nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 12/9/2019 đến ngày 29/02/2024 (1631 ngày) là 44.684.932đồng (=100.000.000đồng x 1631 x10%/365 ngày)

[4.5] Tổng số tiền lãi là 272.356.164 đồng (= 227.671.233 đồng + 44.684.932đồng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu tiền lãi chậm trả là 272.191.171 đồng và không chấp nhận yêu cầu số tiền lãi chậm trả còn lại 224.393.836đồng (= 496.750.000đồng – 272.356.164 đồng).

[5] Tổng số tiền bà Lê Thị P phải trả cho ông Nguyễn Quốc D là 872.356.164đồng (= 600.000.000đồng gốc và 272.356.164 đồng lãi)

[6] Ông Nguyễn Ngọc D thừa nhận giữ bản chính Hợp đồng mua bán tài sản trên đất số 34/HĐKT ngày 03/5/2017, Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án vườn cây cao su ngày 18/4/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0274 và 0275 ngày 25/5/2017 và đồng ý hoàn trả lại cho bà Lê Thị P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) do ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chấp nhận; Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho phần không được chấp nhận nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn theo quy định của tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm d Khoản 1 Điều 12, khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Dân có đại diện theo ủy quyền bà Trình Thị Thanh Tuyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án, bị đơn bà Lê Thị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết công khai theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 77, 147, 161, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 124, các Điều 116, 117, 119, 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12 và khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D: Buộc bà Lê Thị P hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền 872.356.164 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng gồm: 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng) tiền gốc vay của Hợp đồng vay tiền các ngày 12/6/2019, 12/7/2019 và Giấy xác nhận các ngày 13/6/2019, 12/7/2019 và 272.356.164 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D hoàn trả số tiền lãi là 224.393.836 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ngọc D trả lại bản chính Hợp đồng mua bán tài sản trên đất số 34/HĐKT ngày 03/5/2017, Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án vườn cây cao su ngày 18/4/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0274 và 0275 ngày 25/5/2017 cho bà Lê Thị P.

4. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) do ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.170.685 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và hoặc khi tuyên án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện KSND huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Lệ Hà**